

UBND PHƯỜNG LONG BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON THẠCH BÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 331/PA-MNTB

Long Biên, ngày 16 tháng 09 năm 2025

PHƯƠNG ÁN THU, ĐỊNH MỨC CHI
ĐỐI VỚI CÁC KHOẢN THU THEO QUI ĐỊNH VÀ THỎA THUẬN NĂM HỌC 2025 - 2026
(Kèm theo Kế hoạch số 330 /KH-MNTB ngày 16 /9/2025 của trường Mầm non Thạch Bàn)

STT	Nội dung	Đơn vị	Mức thu	Nội dung và định mức dự kiến chi
I	Học phí: Không thực hiện thu học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giáo dục trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Công văn số 3375/SGDDĐT-KHTC ngày 26/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc hướng dẫn tăng cường công tác quản lý thu chi năm học 2025 – 2026;			
II	Các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND thành phố Hà Nội (Kèm theo văn bản số 2367/UBND-KGVX ngày 19/07/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND của HĐND thành phố Hà Nội; văn bản số 3375/SGDDĐT-KHTC ngày 26/8/2025 của Sở Giáo dục và đào tạo thành phố Hà Nội về việc hướng dẫn tăng cường công tác quản lý thu chi năm học 2025-2026)			
I Dịch vụ phục vụ bán trú	Dịch vụ Tiễn đón của học sinh	đ/hs/ngày	30.000đ/hs/ngày	100% chi cho bữa ăn của học sinh (cả tiền chất đốt) Dự kiến chi: + Chi 2% nộp thuế TNDN = 600đ/ngày/học sinh (nếu có) + Chi 98% cho bữa ăn của học sinh = 29.600đ/ngày/học sinh như sau: a) Nhà trẻ: • Bữa chính trưa: 45% = 13.320 • Bữa chính chiều: 45% = 13.320

STT	Nội dung	Đơn vị	Mức thu	Nội dung và định mức dự kiến chi
				- Bữa phụ chiều : 10% = 2.960 b) Mẫu giáo: - Bữa chính trưa: 70% = 20.720 - Bữa phụ chiều: 30% = 8.880
	Dịch vụ Chăm sóc bán trú	đ/hs/tháng	235.000đ/học sinh/tháng	- Dự kiến thu: 560 hs x 235.000đ = 131.600.000đ - Dự kiến chi: + Chi 98% cho CBGVNV làm bán trú: 54 người x 22 ngày công x 108.559đ/người/ngày = 128.968.000 đ + Chi 2% nộp thuế TNDN = 2.632.000đ (nếu có)
	Dịch vụ trang thiết bị phục vụ bán trú (công cụ, dụng cụ, vật dụng, dùng chung và đồ dùng cá nhân phục vụ cho dịch vụ bán trú)	đ/hs/năm	200.000đ/học sinh/năm (Mua bổ sung gối, chăn, khăn mặt, bát, đĩa, cốc, xoong, nồi, khay, thảm... cho trẻ năm học 2025-2026)	- Dự kiến thu: 560 hs x 200.000đ = 112.000.000đ - Dự kiến chi: + Chi 2% nộp thuế TNDN = 2.240.000đ (nếu có) + Chi 98% mua trang thiết bị phục vụ bán trú = 109.760.000đ - Khăn mặt trẻ: 8.352.000đ - Khăn lau tay trẻ: 4.500.000đ - Khăn lau bàn ăn trẻ: 4.995.000đ - Khăn lau tay nhà vệ sinh của trẻ: 2.550.000đ - Khay Inox: 10.354.000đ - Đĩa Inox: 7.098.000đ - Thảm lau chân: 6.714.000đ - Gối trẻ: 3.736.000đ - Chăn bông cho trẻ: 3.360.000đ - Thùng đựng rác: 3.081.000đ - Găng tay cao su: 4.500.000đ

STT	Nội dung	Đơn vị	Mức thu	Nội dung và định mức dự kiến chi
				- Xô, chậu, hót rác, chổi, nước rửa bát, xà phòng, nước tẩy rửa vệ sinh,... 43.448.000đ - Mua bể xung bát, thìa, cốc, rổ inox, dao... 7.072.000đ
2	Dịch vụ Nước uống tinh khiết (Laska)	đ/hs/tháng	12.000đ/học sinh/tháng	- Ký Hợp đồng với Công ty Tropical Wave Corporation – Nước uống đóng chai nhãn hiệu Laska. - Dự kiến thu: 12.000 x 560 hs = 6.720.000 - Dự kiến chi: 6.720.000đ, trong đó: + Trung bình mỗi học sinh: dùng từ 0,2 - 0,4 lít/ngày tương đương khoảng 534,5đ x 22 ngày x 560hs = 6.585.600 đồng/tháng. Chi trả/số bình thực tế sử dụng. (Chi 98% thanh toán cho công ty theo thực tế số bình sử dụng). + Chi 2% nộp thuế TNDN = 134.400đ (nếu có)
3	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khóa)	hs/giờ	12.000đ/học sinh/giờ	- Dự kiến thu: 20 hs x 1h/ngày x 12.000đ x 22 ngày = 5.280.000đ - Dự kiến chi: + Chi 93% cho giáo viên trực tiếp tham gia công tác chăm sóc, trông giữ trẻ ngoài giờ: 2 người x 111.600đ/ngày x 22 ngày công = 4.910.400đ + Chi 5% hỗ trợ cơ sở vật chất: điện, nước, sửa chữa nhỏ, mua sắm đồ dùng chuyên môn,.. = 264.000đ + Chi 2% chi nộp thuế TNDN = 105.600đ (nếu có)
4	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao	hs/ngày	96.000 đ/học sinh/ngày	- Dự kiến thu: 100 hs x 96.000đ x 04 ngày = 38.400.000đ/tháng - Dự kiến chi: + Chi 2% nộp thuế TNDN = 768.000đ (nếu có)

STT	Nội dung	Đơn vị	Mức thu	Nội dung và định mức dự kiến chi
	gồm dịch vụ trông giữ trong các ngày nghỉ: Thứ 7, không bao gồm tiền ăn)			+ Chi 5% hỗ trợ cơ sở vật chất: điện, nước, sửa chữa nhỏ, VPP, đồ dùng học tập, đồ dùng vệ sinh vv = 1.920.000đ + Chi 93% cho CBGVNV trực tiếp tham gia quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng = 35.712.000đ như sau: Chi trả tiền công cho CB, GV, NV: 15 người/ngày x 595.200đ/người/ngày x 4 ngày công = 35.712.000đ
5	Thu, chi viện trợ, tài trợ, quà biếu, tặng cho		Không thu	Thực hiện theo TT số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/08/2018 của BGDĐT, CV số 4658/SGDĐT-KHTC ngày 24/10/2018 của Sở GD & ĐT Hà Nội.
III	Các khoản thu khác (Học sinh tự nguyện tham gia, theo nhu cầu).			
	Hoạt động ngoại khóa			
1	Năng khiếu: - Múa - Vẽ - Võ - Kỹ năng sống	hs/tháng/ môn	120.000đ /hs/tháng/môn	- Dự kiến thu: 70 hs/môn x 04 môn x 120.000đ = 33.600.000đ/tháng - Dự kiến chi: Chi trả cho trung tâm liên kết 80%, nhà trường giữ lại 20% = 6.720.000đ; tính 100% chi như sau: + Chi 15% cho công tác quản lý, kiểm tra, thu chi vv = 1.008.000đ + Chi 35% hỗ trợ giáo viên trong công tác trợ giảng, tổ chức ôn luyện, quản lý học sinh, công tác phối hợp vv = 2.352.000đ + Chi 10% cho công tác hỗ trợ, phục vụ của GVNV: 672.000đ + Chi 38% hỗ trợ CSVC, điện nước, sửa chữa nhỏ, học liệu, văn phòng phẩm...; chi lương và các khoản đóng góp cho LĐHĐ trong trường hợp nguồn tự chủ không đảm bảo chi tiền công cho HĐLĐ, HĐ thuê mướn, chi hỗ trợ ngày lễ tết cho CBGVNV, vv = 2.553.600đ + Chi 2% đóng thuế TNDN = 134.400đ (tương đương 2% trên tổng thu tiền Năng khiếu)

STT	Nội dung	Đơn vị	Mức thu	Nội dung và định mức dự kiến chi
	Tiếng Anh	hs/tháng	450.000 đ/hs/tháng	- Dự kiến thu: $270 \text{ hs} \times 450.000\text{đ} = 121.500.000\text{đ}$ - Dự kiến chi: Chi trả cho trung tâm liên kết 80%, nhà trường chi 20% = 24.300.000đ; tính 100% chi như sau: + Chi 15% cho công tác quản lý, kiểm tra, thu chi, vệ sinh vv = 3.645.000đ + Chi 35% hỗ trợ giáo viên trong công tác trợ giảng, tổ chức ôn luyện, quản lý học sinh, công tác phối hợp vv = 8.505.000đ + Chi 10% cho công tác hỗ trợ, phục vụ của GVNV: 2.430.000đ + Chi 38% hỗ trợ CSVC, điện nước, sửa chữa nhỏ, học liệu, văn phòng phẩm...; chi lương và các khoản đóng góp cho LĐHĐ trong trường hợp nguồn tự chủ không đảm bảo chi tiền công cho HDLĐ, HĐ thuê mướn, chi hỗ trợ ngày lễ, tết cho CBGVNV, vv = 9.234.000đ + Chi 2% đóng thuế TNDN = 486.000đ (tương đương 2% trên tổng thu tiền Tiếng Anh)
2	Quỹ ban đại diện cha mẹ học sinh lớp		Tự nguyện	Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện CMHS.
3	Tiền do sử dụng điện điều hòa, bình nóng lạnh	Tính theo công tơ riêng	Theo số điện dùng thực tế trong tháng	- Mỗi lớp có 01 công tơ lắp riêng cho hệ thống điều hòa sử dụng cho học sinh. Thu trên thực tế sử dụng của lớp cho hệ thống điều hòa cho trẻ theo tháng và chia bình quân cho trẻ đi học/tháng đó. - Chi trả 100% số tiền điện thu được/tháng khi học sinh sử dụng điều hòa, nộp cho công ty điện lực (Ban đại diện CMHS theo dõi ghi số điện, số tiền hàng tháng của lớp sử dụng điều hòa, nhà trường lưu lại

STT	Nội dung	Đơn vị	Mức thu	Nội dung và định mức dự kiến chi
				biên lai đóng tiền điện hàng tháng).
4	Công tác từ thiện nhân đạo		Tự nguyện và theo hướng dẫn	Thực hiện theo từng đợt vận động, ủng hộ khi có hướng dẫn của cơ quan quản lý có thẩm quyền, thực hiện trên nguyên tắc thu bằng chi (nếu có).

Nơi nhận;

- UBND phường-đề BC;
- CBGVNV, PH
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT./.

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Hồng Chiêm

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG MẦM NON THẠCH BÀN

Hoàng Thị Nghĩa

